

CHUYÊN ĐỀ 8: TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 2000

I. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM:

1. Thời kỳ từ năm 1919 đến năm 1930:

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) của Pháp đã làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, tạo cơ sở xã hội (giai cấp), điều kiện (phong trào yêu nước) để tiếp thu nguồn tư tưởng cách mạng vô sản .

- Nguyễn Ái Quốc và một số nhà yêu nước khác đến với chủ nghĩa Mác – Lê Nin, truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê Nin và bài học Cách mạng tháng Mười Nga về nước đã làm chuyển biến phong trào yêu nước chống Pháp từ lập trường tư sản sang lập trường vô sản .

- Phong trào yêu nước chống Pháp của bộ phận lớn tiểu tư sản và tổ chức chuyển sang lập trường vô sản, cùng với phong trào công nhân chuyển sang tự giác, đòi hỏi có Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo. Ba tổ chức cộng sản ra đời vào nửa sau năm 1929 từ hai tổ chức yêu nước – cách mạng (Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng) rồi thống nhất thành một Đảng duy nhất. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 đáp ứng yêu cầu đó .

2. Thời kỳ từ năm 1930 đến năm 1945:

- Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới 1929-1933 cùng với cuộc “khủng bố trắng” của Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930), đã làm bùng nổ phong trào cách mạng của quần chúng cả nước trong những năm 1930-1931. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam đã đưa phong trào lên tới đỉnh cao với sự thành lập Xô viết ở Nghệ Tĩnh. Phong trào từ cuối năm 1931 đi vào thoái trào, cách mạng Việt Nam chuyển sang đấu tranh nhằm phục hồi phong trào (1932-1935) .

- Trong bối cảnh lịch sử những năm 1936-1939, khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện, đe dọa hòa bình thế giới và phong trào chống phát xít ở Pháp giành thắng lợi bước đầu, ở nước ta đẩy lên phong trào đấu tranh công khai rộng lớn. Phong trào đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Đây là phong trào quần chúng có mục tiêu, hình thức đấu tranh mới mẻ ở nước ta và rất hiếm có ở một nước thuộc địa .

- Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) đã tác động đến toàn thế giới. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới chống phát xít thắng lợi đã tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng nước ta và nhiều nước tiến lên giải phóng dân tộc .

- Đầu năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng, Hội nghị Trung ương 8 (5- 1941) đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 (11-1939): Giương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết vấn đề dân tộc trong phạm vi từng nước ở Đông Dương. Từ đây, cách mạng nước ta đẩy mạnh chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền .

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 là kết quả của quá trình chuẩn bị và tập dượt trong 15 năm từ khi Đảng ra đời. Đảng đã lãnh đạo cuộc đấu tranh qua nhiều thời kỳ toàn diện và trực tiếp nhất là thời kỳ tiến tới chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1939-1945. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay nhân dân .

3. Thời kỳ từ năm 1945 đến năm 1954:

- Sau Cách mạng tháng Tám, đất nước gặp muôn vàn khó khăn thử thách, tình thế hết sức hiểm nghèo khác nào “Ngàn cân treo sợi tóc”. Nhân dân ta vừa xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giải quyết nạn đói, nạn dốt và những khó khăn về tài chính, vừa đấu tranh chống ngoại xâm nội phản, bảo vệ nền độc lập. Từ cuối năm 1946, toàn dân ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước .

- Cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) tiến hành trong điều kiện nước ta đã giành được độc lập và chính quyền. Vì vậy, vừa kháng chiến vừa kiến quốc là hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng nước ta trong giai đoạn này:

+ Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và từ năm 1950 chống cả sự can thiệp của đế quốc Mỹ, trải qua hai giai đoạn Phòng ngự (từ đầu đến trước chiến dịch Biên giới thu – đông 1950) và Tiến công (từ chiến dịch Biên giới thu - đông 1950). Điện Biên Phủ là trận thắng quyết định đi đến việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương .

+ Công cuộc kiến quốc nhằm xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh tạo điều kiện tiến lên chủ nghĩa xã hội sau khi chiến tranh kết thúc .

4. Thời kỳ từ năm 1954 đến năm 1975:

- Xuất phát từ tình hình đất nước bị tạm thời chia cắt làm hai miền, Đảng đề ra nhiệm vụ cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng khác nhau và nhiệm vụ chung cho cách mạng hai miền, mối quan hệ giữa cách mạng hai miền. Nhiệm vụ chung, đó là “nhiệm vụ kháng chiến chống Mỹ cứu nước” .

- Ở miền Nam, tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phát triển lên khởi nghĩa (từ 1959- 1960) rồi chiến tranh giải phóng (từ giữa 1961), kết hợp khởi nghĩa với chiến tranh. Qua 5 thời kì, ta lần lượt đánh bại 4 chiến lược thống trị và xâm lược thực dân mới của Mỹ: 1954-1960 đánh bại chiến lược “Chiến tranh đơn phương” của Ai-xen-hao; 1961-1965 đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Ken-

nơ-đi; 1965-1968 đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ của Giôn –xon”; 1969-1973 đánh bại hoàn toàn chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Ních-xon và Pho, tiến lên “Đánh cho ngụy nhào”

- Ở miền Bắc, thực hiện những nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là sản xuất, lao động xây dựng, và khi Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân thì miền Bắc kết hợp chiến đấu và sản xuất. Đồng thời nhân dân miền Bắc còn làm nhiệm vụ quốc tế đối với Lào, Cam-pu-chia. Miền Bắc đã giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ: lần thứ nhất bắt đầu từ ngày 5-8-1964, chính thức ngày 7-2-1965 đến ngày 1-11-1968; lần thứ hai bắt đầu ngày 6-4-1972, chính thức từ ngày 16-4-1972 đến ngày 15-1-1973 .

5. Thời kỳ từ năm 1975 đến năm 2000:

- Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa từ sau khi đất nước độc lập và thống nhất. Chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển hợp quy luật của cách mạng Việt Nam .

- Trong 10 năm đầu (1976-1986), nhân dân đã thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980 và 1981- 1985) do Đại hội IV (tháng 12-1976) và Đại hội V (tháng 3-1982) của Đảng đề ra. Bên cạnh nhiều thành tựu và ưu điểm ta gặp không ít khó khăn, yếu kém, cả sai lầm, khuyết điểm. Khó khăn của ta ngày càng lớn, sai lầm chậm được sửa chữa, đưa đến khủng hoảng về kinh tế- xã hội, đòi hỏi phải đổi mới .

- Đường lối đổi mới được đề ra từ Đại hội VI (1986) nhằm khắc phục khó khăn, sản xuất sai lầm, vượt qua khủng hoảng, đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Trải qua gần hai thập kỷ, nhân dân ta đã thực hiện thắng lợi ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (và đang thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ tư 2001-2005) do Đại hội VI (tháng 12-1986), Đại hội VII (tháng 6-1991), Đại hội VIII (tháng 6- 1996) và Đại hội IX (tháng 4-2001) của Đảng ta đề ra .

- Công cuộc đổi mới đã giành được thắng lợi. Thắng lợi đã đem lại nhiều thành tựu quan trọng về các mặt chính trị, kinh tế- xã hội, văn hóa – giáo dục và quan hệ đối ngoại. Đồng thời từng bước thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thắng lợi khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng, bước đi của công cuộc đổi mới là phù hợp .

II. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

- Nhân dân ta đoàn kết một lòng, giàu lòng yêu nước lao động cần cù sáng tạo, chiến đấu kiên cường vì độc lập tự do. Truyền thống đó của dân tộc được phát huy cao độ trong thời kỳ cách mạng do Đảng lãnh đạo .

- Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại diện tiêu biểu cho quyền lợi của giai cấp và dân tộc. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ là nhân tố thắng lợi hàng đầu, chi phối các nhân tố khác của cách mạng Việt Nam .

- Thực tế cách mạng nước ta từ năm 1930 đã để lại cho Đảng và nhân dân ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:

+ Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, một bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta .

+ Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử .

+ Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế .

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế .

+ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ

ĐỀ SỐ 1

Câu 1. Vì sao Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và trình bày Cương lĩnh Chính trị trong Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đầu năm 1930? Nội dung cơ bản của Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng Cộng Sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo .

Câu 2. Trình bày hình thức tổ chức và vai trò của Mặt trận Việt Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 .

Câu 3. Vì sao đến Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đổi mới đất nước? Nội dung đổi mới trên lĩnh vực kinh tế là gì? Câu 4. Vì sao có sự ra đời của tổ chức ASEAN. Ý nghĩa của việc thành lập tổ chức này đối với các nước khu vực Đông Nam Á .

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1 .

1.1 Vì sao:

- Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản tại Hương Cảng- Trung Quốc từ ngày 6 – 1 đến ngày 7– 2 – 1930, sau khi các đại biểu dự Hội nghị nhất trí hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc đã thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt. Đó chính là Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng .

- Nguyễn Ái Quốc soạn thảo và thông qua Cương lĩnh này để xác định con đường, nhiệm vụ, vị trí và vai trò lãnh đạo của cách mạng Việt Nam, vì trước đó cách mạng Việt Nam bị khủng hoảng về đường lối nên không thể lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành thắng lợi .

1.2 Nội dung cơ bản:

- Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược cách mạng Đảng là tiến hành cuộc “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” .

- Nhiệm vụ của cách mạng là đánh đổ đế quốc Pháp, bọn phong kiến và tư sản phản cách mạng làm cho nước Việt Nam được độc lập, tự do; lập chính phủ công, nông binh; tổ chức quân đội công nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc và bọn phản động cách mạng chia cho dân cày nghèo, tiến hành cách mạng ruộng đất v.v... - Lực lượng cách mạng là công nông tiểu tư sản, trí thức. Còn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản hóa thế giới .

- Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp vô sản sẽ giữ vai trò lãnh đạo cách mạng .

- Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo tuy còn vắn tắt song đây là một trong cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, sớm kết hợp đúng đắn về vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này .

Câu 2 .

2.1 Hình thức tổ chức: Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo. Thành lập các đoàn thể cứu quốc để vận động quần chúng đấu tranh cách mạng .

2.2. Vai trò

- Tập hợp đông đảo quần chúng, hình thành nên lực lượng chính trị cách mạng đông đảo dưới sự lãnh đạo của Đảng, động viên được sức mạnh của cả dân tộc, thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, phân hóa và cô lập kẻ thù .

- Trên cơ sở phát triển các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận để hình thành và phát triển lực lượng vũ trang, chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 .

Câu 3 .

3.1 Vì sao

- Từ năm 1976- 1985, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt được những thành tựu và ưu điểm đáng kể trên lĩnh vực đời sống xã hội. Song cách mạng cũng

gặp không ít khó khăn, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước hết là khủng hoảng kinh tế- xã hội. Một trong những nguyên cơ bản của khó khăn, yếu kém là do mắc phải “sai lầm nghiêm trọng kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện” .

- Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên. Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới .

Như vậy, đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta đồng thời phù hợp với xu thế chung của thời đại

3.2 Nội dung đổi mới về kinh tế

- Những năm 1986- 1990 thực hiện mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực– thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu .

- Phát triển các thành phần kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Xóa bỏ kinh tế tập trung quan liêu bao cấp .

- Thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại .

- Lấy kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể làm nền tảng cho kinh tế quốc dân. Mọi người được tự do kinh doanh theo đúng pháp luật .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 2

Câu 1. Dựa vào điều kiện lịch sử nào Đảng Cộng sản Đông Dương thực hiện cuộc vận động dân chủ 1936–1939? Nội dung cơ bản của chủ trương đó .

Câu 2. Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng tổ chức và lãnh đạo thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945 như thế nào? Câu 3. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta thể hiện trong các văn kiện nào? Nội dung của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh .

Câu 4. Trình bày hoàn cảnh ra đời, mục tiêu và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN .

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1 .

1.1 Điều kiện lịch sử - Thế giới: + Sau cuộc khủng hoảng kinh tế (1929– 1933), chủ nghĩa phát xít Đức, I– ta– lia– a, Nhật và bè lũ tay sai đã trở thành nguy cơ lớn đe dọa hòa bình an ninh thế giới .

+ Tháng 7– 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII chủ trương thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi để chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh .

+ Tháng 6– 1936, Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp. Chính phủ mới đã cho thi hành một số cải cách tiến bộ ở thuộc địa .

- Trong nước: + Chính phủ Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, ân xá một số tù chính trị, nới rộng quyền tự do báo chí v.v... + Phong trào cách mạng được phục hồi năm 1935 .

+ Đời sống các tầng lớp nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn do chính sách tăng thuế của chính quyền thuộc địa. Chính vì thế, họ hăng hái tham gia phong trào đấu tranh đòi tự do, cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương .

- Căn cứ vào tình hình trên và tiếp thu đường lối của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (7 – 1936) của Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra chủ trương chỉ đạo chiến lược và sách lược mới. Đó là thực hiện cuộc vận động dân chủ 1936– 1939 .

1.2 Nội dung cơ bản của chủ trương - Xác định kẻ thù cụ thể trước mắt là bọn phản động Pháp và tay sai .

- Xác định nhiệm vụ trước mắt của nhân dân Đông Dương là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình .

- Thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương (sau đổi là Mặt trận Dân chủ Đông Dương) .

- Hình thức phương pháp đấu tranh: hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai .

Câu 2 .

2.1. Khi thời cơ cách mạng xuất hiện, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Điều đó được thể hiện: + Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào từ ngày 14 đến 15–8–1945, quyết định: Phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước trước khi quân Đồng minh vào. Thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. Ra quân lệnh số một kêu gọi toàn dân nổi dậy .

+ Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào ngày 16–8–1945: Thông qua 10 chính sách của mặt trận Việt Minh .

Lập ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam (tức Chính phủ Lâm thời sau này) do Hồ Chí Minh là Chủ tịch, quy định Quốc kì, Quốc ca .

- Đại hội vừa bế mạc, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền .

- Từ ngày 14 đến ngày 18 – 8, bốn tỉnh lỵ giành chính quyền sớm nhất cả nước là Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam .

- Chiều 16-8-1945, theo mệnh lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc Tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước .

- Ngày 19-8-1945, khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn ở Hà Nội .

- Ngày 23-8-1945, Huế giành chính quyền .

- Ngày 25-8-1945, Sài Gòn giành chính quyền .

- Ngày 28-8-1945, cả nước giành được chính quyền .

- Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình- Hà Nội, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời .

Câu 3 .

3.1. Các văn kiện: - Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (đêm 19-12-1946) .

- Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” (22-12-1946) của Trung ương Đảng .

- Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi (1947) của Trường Chinh .

3.2. Nội dung của Lời kêu gọi *Nội dung: - Nêu thiện chí của ta và âm mưu xâm lược của thực dân Pháp: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa” .

- Nói lên sự quyết tâm của quân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp: “Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” .

- Thể hiện cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn dân: “Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc” .

Câu 4.

4.1 Hoàn cảnh: - Sau khi giành được độc lập, các nước Đông Nam Á còn gặp nhiều khó khăn nên có nhu cầu hợp tác với nhau cùng phát triển. Đồng thời muốn hạn chế ảnh hưởng của các thế lực bên ngoài đối với khu vực .

- Ngày 8-8-1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (viết tắt tiếng Anh là ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Phi-líp-pin .

4.2 Mục tiêu: Xây dựng các mối quan hệ hòa bình và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh, trên cơ sở tự cường khu vực và thiết lập một khu vực hòa bình, tự do, trung lập .

4.3 Quá trình phát triển - Trong giai đoạn đầu (1967-1975), ASEAN là một tổ chức non yếu, sự hợp tác trong khu vực còn trong trạng thái khởi đầu, chưa có vị trí trên trường quốc tế .

- Từ năm 1976 đến nay, ASEAN có những bước tiến mới .

+ Vào thời điểm này, quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN bước đầu được cải thiện. Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Bru– này gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN .

+ Từ đầu những năm 90, chiến tranh lạnh chấm dứt và “vấn đề Cam –pu–chia” được giải quyết, tình hình chính trị khu vực được cải thiện căn bản, ASEAN có điều kiện mở rộng tổ chức, kết nạp thành viên mới .

+ Tháng 7– 1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN. Tháng 7– 1997, Lào và Mianma gia nhập ASEAN, và tháng 4– 1999, Cam –pu–chia được kết nạp vào tổ chức này .

- Như vậy, từ 5 nước sáng lập ban đầu, ASEAN đã phát triển thành 10 thành viên. Từ đây, ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình, ổn định để cùng phát triển .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 3

Câu 1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam làm cho giai cấp nông dân và công nhân phân hóa như thế nào? Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam? Câu 2. Chứng minh rằng phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ – Tĩnh là cuộc tập dượt đầu tiên cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này .

Câu 3. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ II. Nêu những quyết định mới của Đại hội so với thời kì trước .

Câu 4. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Cu Ba diễn ra như thế nào? Ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó .

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1 .

1.1. Giai cấp nông dân bị thống trị, bị tước đoạt ruộng đất, bán cùng hóa, phá sản, không lối thoát. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam – lực lượng dân cư đông đảo – với đế quốc Pháp và tay sai hết sức gay gắt. Đó là cơ sở của sự bùng nổ các cuộc đấu tranh của nông dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc .

1.2. Giai cấp công nhân Việt Nam ngày càng đông đảo. Giai cấp công nhân Việt Nam bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc thực dân, phong kiến và tư sản bản xứ, chủ yếu là bọn đế quốc thực dân. Họ có quan hệ gắn bó với giai cấp nông dân, có truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản trên thế giới nên đã nhanh chóng vươn lên để trở thành một động lực mạnh mẽ của phong trào dân tộc theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại .

1.3. Vì sao - Bị bóc lột nặng nề nhất nên có tinh thần cách mạng cao nhất .

- Đại diện cho một lực lượng sản xuất tiên tiến .
- Phát huy được truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc .
- Sớm tiếp thu trào lưu tư tưởng cách mạng mới, đó là tư tưởng cách mạng vô sản .

Câu 2 .

- Qua phong trào cách mạng, lần đầu tiên, liên minh công nông được thiết lập để chống đế quốc, phong kiến và đã giáng một đòn mạnh và nền thống trị của đế quốc phong kiến .

- Phong trào đã chứng tỏ sức mạnh của công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, có khả năng đánh đổ chính quyền của thực dân phong kiến, xây dựng xã hội mới .

- Phong trào để lại cho Đảng và cách mạng nhiều bài học kinh nghiệm quý giá .
- Chính vì vậy, đây là cuộc tập dượt đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng để chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám .

Câu 3 .

3.1. Nội dung của Đại hội: - Thảo luận và thông qua Báo cáo Chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày .

- Thông qua Báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày .

- Đại hội quyết định thành lập Đảng Lao động Việt Nam và Đảng hoạt động công khai, đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Việt Nam .

- Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương, Hồ Chí Minh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Đảng, Trường Chinh làm Tổng Bí thư của Đảng .

3.2. Ý nghĩa: - Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi” .

- Đại hội có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi ngày một lớn hơn .

3.3. Quyết định mới của Đại hội: - Đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam .

- Đưa Đảng ra hoạt động công khai .

- Mỗi nước ở Đông Dương phải có một Đảng riêng của mình .

Câu 4 .

4.1 Cuộc đấu tranh giành độc lập: - Ngày 20- 7 – 1953, 153 thanh niên yêu nước dưới sự chỉ huy của luật sư trẻ tuổi Phi – đen Ca –xtơ- rô đã tấn công vào pháo đài Môn – ca- đa. Cuộc tấn công không giành thắng lợi (Phi – đen Ca –xtơ- rô bị bắt giam và sau đó bị trục xuất sang Mê- hi- cô), nhưng mở đầu cho giai đoạn đấu tranh vũ trang để giải phóng đất nước .

- Ngày 25- 11 – 1956, Phi – đen Ca –xtơ– rô cùng 81 chiến sĩ yêu nước từ Mê–hi– cô trở về xây dựng căn cứ cách mạng ở vùng rừng núi phía Tây Cu Ba .

- Dưới sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, lực lượng cách mạng đã lớn mạnh và phong trào đấu tranh lan rộng ra cả nước. Ngày 1- 1 – 1959, chế độ độc tài Ba-ti-xta bị lật đổ, cách mạng Cu Ba giành được thắng lợi hoàn toàn .

4.2. Ý nghĩa:

- Động viên cổ vũ phong trào giải phóng trong khu vực .

- Xứng đáng là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ La- tinh .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 4

Câu 1. Quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc gắn với sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức và sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam như thế nào? Câu

2. Trong điều kiện lịch sử nào ba tổ chức cộng sản Đảng ra đời ở Việt Nam năm

1929? Sự phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên dẫn đến thành lập

Đông Dương Cộng sản đảng như thế nào? Câu 3. Sự kiện lịch sử nào diễn ra ở miền năm năm 1968 buộc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Hội nghị Pa– ri? Trình bày diễn biến và ý nghĩa lịch sử của sự kiện đó .

Câu 4. Các xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh chấm dứt .

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI Câu 1 .

1.1 Sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức: - Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc lập ra Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa– ri. Năm 1922, Người viết báo Người cùng khổ và viết nhiều bài cho các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân... và đặc biệt là cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) .

- Tháng 6 – 1923, sang Liên Xô, dự Hội nghị Quốc tế Nông dân, viết bài cho báo Sự thật của Đảng Cộng sản Liên Xô, tạp chí Thư tín Quốc tế của Quốc tế Cộng sản. Tháng 7 – 1924, Người dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V .

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian từ năm 1920 đến năm 1924, chủ yếu trên mặt trận tư tưởng chính trị nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào nước ta .

- Ngày 11- 11- 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc) để trực tiếp đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức cách mạng, truyền bá lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam .

Tháng 6 – 1925, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc) .

1.2 Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Năm 1929, ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời ở Việt Nam: Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn .

- Sự hoạt động riêng lẻ của ba tổ chức này gây ảnh hưởng không tốt đến tiến trình cách mạng, cần phải hợp nhất .

- Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản tổ chức và chủ trì hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để đi đến thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam .

Câu 2 .

1.1 Điều kiện lịch sử: - Từ cuối năm 1928 đầu năm 1929, phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản phát triển mạnh mẽ ở nước ta .

- Trước tình hình đó, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn khả năng lãnh đạo phong trào .

- Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải có chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo nhằm đưa phong trào tiếp tục phát triển .

- Đáp ứng yêu cầu lịch sử đó, ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 .

2.2 Sự phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên... - Đến năm 1929, chủ nghĩa Mác– Lênin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo .

- Cuối tháng 3 – 1929, một số hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Bắc Kỳ họp tại nhà số 5D phố Hàm Long (Hà Nội), lập ra Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Chi bộ mở rộng cuộc vận động để thành lập một Đảng Cộng sản nhằm thay thế cho Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên .

- Tháng 5 – 1929, Đại hội thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên họp tại Hương Cảng .

Tại đại hội, đoàn đại biểu Bắc Kỳ đặt vấn đề thành lập ngay Đảng Cộng sản để thay thế cho Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, song không được đại hội chấp nhận nên đã bỏ đại hội về nước .

- Ngày 17– 6 – 1929, đại biểu các tổ chức cơ sở cộng sản ở miền Bắc họp đại hội tại nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ của Đảng, ra báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận và cử ra Ban chấp hành Trung ương của Đảng .

Câu 3 .

3.1. Sự kiện diễn ra ở miền Nam năm 1968 là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 .

3.2. Diễn biến: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng 31–1–1968 .

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy diễn ra ba đợt: 30-1 đến 25-2; tháng 5 và tháng 6; tháng 8 và tháng 9 –1968 .

- Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch, như Tòa đại sứ Mỹ, Dinh “Độc lập”, Bộ Tổng tham mưu quân Sài Gòn, Bộ Tư lệnh biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất .

3.3. Ý nghĩa: - Làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của “Chiến tranh cục bộ”) .

- Mỹ phải tuyên bố chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chịu đến bàn đàm phán ở Pa- ri để bàn về chấm dứt chiến tranh .

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân ta .

Câu 4.

4.1. Xu thế phát triển của thế giới sau khi Chiến tranh lạnh chấm dứt .

+ Một là, trật tự thế giới “hai cực” đã sụp đổ nhưng trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành .

+ Hai là, sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào phát triển kinh tế .

+ Ba là, sự tan rã của Liên Xô đã tạo cho Mỹ một lợi thế tạm thời. Giới cầm quyền Mỹ ra sức thiết lập trật tự thế giới mới một cực để làm bá chủ thế giới .

+ Bốn là, sau Chiến tranh lạnh, hòa bình thế giới được củng cố, nhưng ở nhiều khu vực tình hình lại không ổn định với những cuộc nội chiến, xung đột quân sự đẫm máu kéo dài .

4.2. Bước sang thế kỉ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển, các dân tộc hi vọng về một tương lai tốt đẹp của loài người .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 5

Câu 1. Tổ chức yêu nước của tầng lớp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc ra đời những năm 20 của thế kỉ XX là các tổ chức nào? Nêu hoàn cảnh ra đời của các tổ chức đó .

Câu 2. Vì sao khi đưa quân đến Điện Biên Phủ, cả Pháp và Mỹ đều cho rằng đó là “Pháo đài không thể công phá”? Ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm “quyết chiến chiến lược” với địch như thế nào? Câu 3. Trình bày những thắng lợi quyết định của quân dân ta ở hai miền Nam– Bắc từ năm 1969 đến năm 1972 buộc Mỹ phải chấp nhận kí kết Hiệp định Pa- ri năm 1973 .

Câu 4. Mục tiêu tổng quát trong đường lối cải cách ở Trung Quốc từ năm 1978 là gì? Những thành tựu chính mà Trung Quốc đạt được trong những năm 1978–2000 .

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1 .

1.1. Tổ chức yêu nước của tầng lớp tiểu tư sản và giai cấp tư sản dân tộc ra đời trong những năm 20 của thế kỉ XX là Tân Việt Cách mạng đảng (1928) và Việt Nam Quốc dân đảng (1927) .

1.2. Hoàn cảnh: - Tân Việt Cách mạng đảng: tiền thân của Tân Việt là Hội Phục Việt ra đời vào ngày 14 –7–1925, do nhóm sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương và nhóm tù chính trị Trung Kỳ thành lập. Sau nhiều lần đổi tên, đến tháng 7–1928, Hội Phục Việt chính thức lấy tên là Tân Việt Cách mạng đảng .

- Việt Nam Quốc dân đảng: thành lập vào 25 –12–1927, Hạt nhân đầu tiên của đảng là Nam Đồng thư xã. Những người sáng lập: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu... 1.3. Hoạt động: - Tân Việt Cách mạng đảng: khi mới thành lập, là một tổ chức yêu nước, chưa có lập trường giai cấp rõ rệt. Do ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt cử người sang dự các lớp huấn luyện và vận động hợp nhất với Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nội bộ Tân Việt đã phân hóa thành hai khuynh hướng: khuynh hướng cải lương (đứng trên lập trường quốc gia tư sản) và khuynh hướng vô sản. Những đảng viên tích cực nhất của Tân Việt đã hợp lại, chuẩn bị thành lập một đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác– Lênin .

- Việt Nam Quốc dân đảng: Địa bàn hoạt động chủ yếu ở một số địa phương Bắc Kỳ. Lúc mới thành lập chưa có cương lĩnh rõ ràng. Năm 1928 và năm 1929, hai lần thay đổi chủ nghĩa. Tổ chức ám sát tên trùm mộ phu Ba– danh (2– 1929) nhưng không thành, bị thực dân Pháp khủng bố trắng .

Câu 2 .

2.1. Vì sao: - Ngày 20 –11–1953, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, khi đến Điện Biên Phủ các tướng tá Pháp– Mĩ thấy rằng, Điện Biên Phủ là một địa bàn rất quan trọng nằm giữa cánh đồng Mường Thanh, xung quanh có núi bao bọc .

- Với vị trí địa Điện Biên Phủ, về lâu dài chúng muốn biến nơi đây thành một căn cứ lực quân và không quân có tác dụng lợi hại trong âm mưu xâm lược Đông Nam Á .

- Để thực hiện ý đồ đó, Pháp cho xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh gồm 49 cụm cứ điểm được chia thành 3 phân khu: Phân khu phía Bắc, phân khu Trung tâm Mường Thanh và phân khu Hồng Cúm ở phía Nam .

- Với cách bố phòng như vậy, các tướng tá của Pháp– Mĩ đều chủ quan cho rằng Điện Biên Phủ là một “pháo đài không thể công phá” .

2.2. Ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm “quyết chiến lược”: - Trước sự phá sản bước đầu trong kế hoạch quân sự Na– va, địch quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm mạnh ở Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành một “pháo đài không thể công phá”, “một vecdoong” của thế kỉ XX, “một con nhím khổng lồ” ở rừng núi Tây Bắc. Và Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm của kế hoạch Na– va. Vì vậy, muốn kết thúc chiến tranh ta phải tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ .

- Vào ngày 6 –12–1953, Trung ương Đảng đã họp và nhận định: Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng thế yếu của địch ở Điện Biên Phủ dễ bị cô lập, chỉ tiếp tế được bằng đường không, nếu ta cắt đứt đường hàng không, địch sẽ rơi vào thế “tử lộ” .

- Quân đội ta đã trưởng thành và có kinh nghiệm có thể đánh địch ở tập đoàn cứ điểm .

- Hậu phương của ta đã vững mạnh, có thể khắc phục những khó khăn đảm bảo chi viện cho chiến trường .

Trên cơ sở phân tích tình hình, Trung ương Đảng đã quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, biến Điện Biên Phủ thành điểm “quyết chiến chiến lược giữa ta và địch” .

Câu 3 .

3.1. Thắng lợi quyết định ở miền Nam: cuộc tiến công chiến lược năm 1972 - Phát huy thắng lợi trên các mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao trong hai năm 1970– 1971, quân ta mở đợt tiến công chiến lược bắt đầu từ 30– 3– 1972. Mở đầu, quân ta đánh vào Quảng Trị , lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển ra khắp chiến trường miền Nam và kéo dài trong năm 1972 .

- Thắng lợi này đã tạo bước ngoặt cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, giáng đòn mạnh vào quân nguy (công cụ chủ yếu) và quốc sách “bình định” (xương sống) và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mĩ tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh) .

3.2. Thắng lợi quyết định ở miền Bắc: đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mĩ - Cuối năm 1972, Mĩ tăng cường hơn nữa hoạt động chiến tranh chống phá miền Bắc. Ngày 14– 12– 1972, chính quyền Nich– xon phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến đấu B52 lớn chưa từng có vào Thủ đô Hà Nội và thành phố cảng Hải Phòng, với mưu toan làm cho nhân dân ta phải chịu những thiệt hại về người và của đến mức không chịu đựng được phải khuất phục .

- Cuộc tập kích 24 giờ trên 24 giờ trong ngày, bắt đầu từ chiều tối 18– 12– 1972 đến hết 29– 12– 1972. Trong 12 ngày đêm Mỹ đã rải xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số mục tiêu phía Bắc vĩ tuyến 20 một khối lượng bom đạn 10 vạn tấn (riêng Hà Nội 4 vạn tấn) với sức công phá 5 quả bom nguyên tử ném xuống Nhật Bản năm 1945 .

- Quân dân ta ở miền Bắc làm nên trận thắng “Điện Biên Phủ trên không” buộc Mỹ phải kí hiệp định Pa– ri tháng 1– 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam .

Câu 4 .

4.1. Mục tiêu: “xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, thực hiện cải cách và mở cửa nhằm mục tiêu hiện đại hóa, đưa đất nước Trung Quốc trở thành một quốc gia giàu mạnh, văn minh” .

4.2. Thành tựu: - Tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trung bình hàng năm tăng 9.8% đạt giá trị 7.974,9 tỉ nhân dân tệ, đứng hàng thứ 7 thế giới .

- Tổng giá trị xuất nhập khẩu năm 1997 là 325,06 tỉ USD. Cũng tính đến năm 1997, các doanh nghiệp nước ngoài đã đầu tư vào Trung Quốc hơn 521 tỉ USD và 145 nghìn doanh nghiệp nước ngoài đã đang hoạt động ở Trung Quốc .

- Từ năm 1978 đến năm 1997, thu nhập bình quân tính theo đầu người ở nông thôn tăng từ 133,6 đến 2090,1 nhân dân tệ; ở thành phố từ 343,4 lên 5160,3 nhân dân tệ .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 6

Câu 1. Vì sao Nguyễn Ái Quốc chủ trương Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản năm 1930? Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với hội nghị này .

Câu 2. So sánh những điểm giống và khác nhau giữa chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” và “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở Việt Nam
 Câu 3. Những thắng lợi của quân và dân ta trong những năm sau Hiệp định Pa– ri về Việt Nam năm 1973 đến đầu năm 1975. Nếu thắng lợi lớn nhất và ý nghĩa lịch sử của thắng lợi đó .

Câu 4. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế của Mỹ phát triển như thế nào? Nguyên nhân của sự phát triển đó. Phân tích một nguyên nhân quyết định nhất .

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1 .

1.1 Vì sao - Từ cuối năm 1928 đầu năm 1929, phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản phát triển mạnh mẽ ở nước ta. Trước tình hình đó, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn đủ khả năng lãnh đạo phong trào. Một yêu

cầu cấp thiết đặt ra là phải có chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo nhằm đưa phong trào tiếp tục phát triển .

- Đáp ứng yêu cầu lịch sử đó, ở Việt Nam lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản trong năm 1929 .

Nhưng sự hoạt động riêng lẻ của ba tổ chức cộng sản gây ảnh hưởng không tốt tiến trình hoạt động cách mạng. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc tiến hành Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để đi đến thành lập một chính đảng duy nhất, đó là Đảng Cộng sản Việt Nam .

1.2 Vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Trực tiếp tổ chức và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng .

- Đặt yêu cầu hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành một Đảng duy nhất .
- Viết và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng .
- Đề ra kế hoạch để các tổ chức cộng sản về nước xúc tiến việc hợp nhất, đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam .

Câu 2 .

2.1. Giống nhau - Đều là chiến tranh xâm lược thực dân của Mĩ, nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ .

- Đều thực hiện âm mưu chống lại cách mạng và nhân dân miền Nam .
- Đều sử dụng vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mĩ .

2.2. Khác nhau - Về quy mô chiến tranh: “Chiến tranh đặc biệt” diễn ra ở miền Nam, còn “Chiến tranh cục bộ” mở rộng cả hai miền Nam- Bắc .

- Về tính chất ác liệt: “Chiến tranh cục bộ” ác liệt hơn, thể hiện ở mục tiêu, lực lượng tham chiến, vũ khí, hỏa lực và phương tiện chiến tranh .
- “Chiến tranh đặc biệt” được tiến hành bằng quân đội tay sai dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, dựa vào vũ khí, trang thiết bị, phương tiện chiến tranh của Mĩ nhằm thực hiện mưu đồ cơ bản là “Dùng người Việt đánh người Việt”, “Thay màu da cho xác chết”. Tiến hành “Chiến tranh đặc biệt”, Mĩ- nguy mở rộng nhiều cuộc càn quét, mục tiêu là chống phá cách mạng và bình định miền Nam, Chúng coi “Áp chiến lược” là quốc sách nhằm tách cách mạng ra khỏi dân để thực hiện cái gọi là “Tát nước bắt cá” .

- “Chiến tranh cục bộ” với mục tiêu là vừa tiêu diệt quân chủ lực vừa bình định miền Nam, phá hoại miền Bắc. Lực lượng tham chiến đông, gồm cả Mỹ, chư hầu, nguy, trong đó quân Mĩ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về số lượng và trang bị. Chúng sử dụng vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh cả trên bộ, trên không, trên biển, tốc độ nhanh và mở liên tục nhiều chiến dịch nhằm “tìm diệt” vào “Đất thánh Việt cộng” .

Câu 3 .

3.1. Những thắng lợi: - Ngày 29- 2- 1973, Quân Mĩ rút khỏi nước ta nhưng vẫn để lại 2 vạn cố vấn Mĩ .

- Chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pa- ri bằng chiến lược “tràn ngập lãnh thổ” và “bình định- lấn chiếm” .

- Ta thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định. Do địch phá hoại trắng trợn, có hệ thống, ta buộc phải cầm súng chiến đấu, bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, tiếp tục đưa sự nghiệp chống Mĩ cứu nước đến thắng lợi .

- Ngày 7- 3- 1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 nêu rõ nhiệm vụ cách mạng miền Nam là: Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tiếp tục công đường cách mạng bạo lực, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao .

- Cuối năm 1974, mở đợt hoạt động quân sự Đông- Xuân vào hướng Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ, giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch Đường 14- Phước Long (từ 12- 12- 1974 đến 6- 1- 1975), giải phóng thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân .

- Trong lúc đó, tại các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống và tăng nguồn dự trữ chiến lược .

3.2. Thắng lợi lớn nhất: Chiến thắng Phước Long ngày 6- 1- 1975 .

3.3. Ý nghĩa của chiến thắng Phước Long - Chiến thắng Phước Long chứng tỏ quân chủ quân chủ lực Sài Gòn đã đến lúc không còn đủ khả năng chiếm giữ những vùng đất quan trọng trên diện rộng .

- Làm cho tinh thần chiến đấu của quân đội Sài Gòn thêm hoang mang, mất tinh thần chiến đấu .

- Chứng tỏ khả năng mới của quân dân ta có thể giành thắng lợi lớn trong thời gian ngắn với tốc độ nhanh .

- Chiến thắng Phước Long là cơ sở để Bộ Chính trị quyết định giải phóng miền Nam năm 1975 .

Câu 4 .

4.1. Sự phát triển kinh tế - Sau chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ. Biểu hiện: + Tổng sản phẩm quốc dân tăng bình quân hàng năm là 9% .

- + Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nửa sản lượng toàn thế giới .

- + Sản lượng nông nghiệp tăng 27% so với trước chiến tranh .

- + Mĩ có hơn 50% tàu bè đi lại trên biển, chiếm $\frac{3}{4}$ trữ lượng vàng thế giới... -

Trong khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới .

4.2. Nguyên nhân - Lãnh thổ Mĩ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, trình độ kĩ thuật cao .

- Mĩ lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi nhuận từ buôn bán vũ khí .
- Mĩ áp dụng thành tựu khoa học–kĩ thuật để nâng cao năng suất lao động .

4.3. Phân tích - Nguyên nhân quyết định nhất cho sự phát triển kinh tế của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đó là Mĩ áp dụng thành tựu khoa học–kĩ thuật để nâng cao năng suất lao động. Mĩ là nước khởi xướng đầu tiên cuộc cách mạng khoa học– kĩ thuật hiện đại của thế giới. Việc áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng này đã cho phép Mĩ nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và điều chỉnh hợp lí cơ cấu sản xuất .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 7

Câu 1. Vì sao Đảng ta triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11– 1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn– Gia Định). Nội dung và ý nghĩa của Hội nghị .

Câu 2. Chiến dịch nào của ta đã mở ra một bước ngoặt lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ năm 1945 đến năm 1954. Diễn biến và ý nghĩa của chiến dịch đó .

Câu 3. Lập bảng so sánh những điểm khác nhau giữa Hiệp định Giơ– ne– vơ về Đông Dương năm 1954 và Hiệp định Pa– ri về Việt Nam năm 1973: hoàn cảnh kí kết, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định .

Câu 4. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra trong điều kiện nào? Hãy nêu những thành tựu chính về kinh tế, khoa học kĩ thuật của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1950 đến nửa đầu những năm 70. Những thành tựu đó có ảnh hưởng đến các nước như thế nào? HƯỚNG DẪN LÀM BÀI Câu 1 .

1.1. Vì sao - Tháng 9– 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu, quân đội phát xít Đức tấn công nước Pháp, Chính phủ phản động Pháp đầu hàng làm tay sai cho Đức (6– 1940) .

- Ở Viễn Đông, quân đội phát xít Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc và cho quân tiến sát vào biên giới Việt – Trung .

- Tháng 9– 1940, Nhật xâm lược Đông Dương, Pháp đầu hàng Nhật rồi cầu kết với Nhật để cùng áp bức bóc lột nhân dân Đông Dương .

+ Thủ đoạn gian xảo của Pháp: Thi hành chính sách “kinh tế chỉ huy”, tăng các loại thuế .

+ Thủ đoạn thâm độc của Nhật: Thu mua lương thực (chủ yếu là gạo, lúa) theo lối cưỡng bức .

- Dưới hai tầng áp bức, bóc lột của Pháp– Nhật, đời sống của các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là nông dân bị đẩy đến tình trạng cực khổ, điêu đứng .

- Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương triệu tập Hội nghị Trung ương tháng 11– 1939 để chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tập trung giải quyết nhiệm vụ chống đế quốc Pháp và phát xít Nhật, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập .

1.2.Nội dung - Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và bọn tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập .

- Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, nặng lãi. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công– nông– binh được thay thế bằng khẩu hiệu Chính quyền Dân chủ Cộng hòa .

- Về phương pháp đấu tranh, Đảng chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật, bất hợp pháp .

- Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương .

1.3.Ý nghĩa Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11– 1939 “đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng về chỉ đạo chiến lược”, thể hiện sự nhạy bén về chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng .

Câu 2 .

2.1. Chiến dịch mở mở ra một bước ngoặt lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ năm 1945 đến năm 1954 là chiến dịch Biên giới thu– đông năm 1950 2.2.

Diễn biến chiến dịch - Ngày 16– 9– 1950, quân ta mở cuộc tấn công Đông Khê, mở đầu chiến dịch. Ngày 18– 9, quân ta tiêu diệt Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, thị xã Cao Bằng bị cô lập, hệ thống phòng ngự của địch trên Đường số 4 bị lung lay .

- Địch buộc rút khỏi Cao Bằng, cho quân từ Thất Khê lên đón, yểm trợ cho cuộc rút lui .

- Ta đoán được ý định của địch nên bố trí quân mai phục chặn địch trên Đường số 4 làm cho hai cánh quân Cao Bằng và Thất Khê bị thiệt hại nặng, không lên lạc được với nhau .

- Ngày 22– 10– 1950, chiến dịch Biên giới kết thúc, quân Pháp phải rút lui khỏi Đường số .

4- Tại các chiến trường khác, quân ta hoạt động mạnh, buộc Pháp phải rút lui khỏi thị xã Hòa Bình, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở Bình– Trị– Thiên, Liên khu V và Nam Bộ .

2.3. Ý nghĩa - Quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ) về tay ta. Lực lượng kháng chiến đã trưởng thành về mọi mặt .

- Với chiến thắng Biên giới, con đường nối nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa được khai thông .

Câu 3 .

Tiêu chí so sánh Hiệp định Giơ- ne- vơ Hiệp định Pa- ri Hoàn cảnh kí kết Hiệp định Giơ- ne- vơ được kí kết trong lúc thực dân Pháp bị thất bại hoàn toàn ở chiến dịch Điện Biên Phủ .

Ta kí Hiệp định để buộc thực dân Pháp công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương Hiệp định Pa- ri được kí kết trong lúc Mĩ mới chỉ bị thất bại trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc. Ta kí Hiệp định để buộc Mĩ rút quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ về nước, để cho nhân dân Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình .

Nội dung - Các bên tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương .

- Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết chuyên quân, chuyển giao khu vực .
- Quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Nam- Bắc. Sau đó, quân Pháp rút về nước .

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam .

- Hai bên tiến hành trao trả tù binh và dân thường bị bắt .
- Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị .

Ý nghĩa - Đánh dấu bước thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, miền Bắc hoàn toàn giải phóng .

- Buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân đội về nước .
- Đây là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng toàn miền Nam .
- Mĩ rút quân Mĩ và quân đồng minh của Mĩ về nước nhưng chưa chấp nhận việc chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, Mĩ vẫn tiếp tục viện trợ cho ngụy tiếp tục chiến tranh .

Câu 4.

44.1. Điều kiện - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô bị chiến tranh tàn phá nặng nề: 27 triệu người chết, 1710 thành phố và hơn 70.000 làng mạc bị tiêu hủy, gần 32.000 nhà máy, xí nghiệp bị tàn phá .

- Nhưng với tinh thần tự lực tự cường, nhân dân Liên Xô đã hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946- 1950) trong 4 năm 3 tháng .

4.2. Những thành tựu - Kinh tế: Liên Xô là cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ). Giữa thập niên 70 chiếm gần 20% tổng sản lượng công nghiệp thế giới. Về nông nghiệp, năm 1970 đạt 186 triệu tấn, năng suất trung bình 15,6 tạ/ha .

- Khoa học– kĩ thuật: Chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học– kĩ thuật thế giới, đặc biệt là ngành vũ trụ, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người: Năm 1957, Liên Xô là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ. Năm 1976, Liên Xô phóng con tàu “phương Đông” đưa nhà du hành vũ trụ Ga– ga– rin lần đầu tiên bay vòng quanh Trái Đất .

4.3. Ảnh hưởng đến các nước - Có điều kiện giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa về vật chất và tinh thần trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa .

- Có điều kiện ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ La–tinh .

- Là chỗ dựa cho phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình và an ninh thế giới .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 8

Câu 1. Nêu những cống hiến to lớn của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình hoạt động cứu nước, cứu dân từ năm 1911 đến năm 1930. Phân tích một cống hiến to lớn nhất .

Câu 2. Phân tích một nguyên nhân quyết định nhất để đưa Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam dẫn đến thắng lợi. Vì sao cách mạng tháng Tám thắng lợi có tác dụng đến cách mạng thế giới .

Câu 3. Vì sao ta chọn Tây Nguyên làm điểm quyết chiến chiến lược trong cuộc Tổng tiến công nổi dậy Xuân năm 1975? Cách đánh của ta trong chiến dịch Tây Nguyên như thế nào? Câu 4. Vì sao nói: Toàn cầu hóa vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển .

Câu 5 .

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Câu 1 .

1.1. Nhưng cống hiến - Từ năm 1911 đến năm 1920, ra đi tìm đường cứu nước, đến với chủ nghĩa Mác– Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn .

- Từ năm 1920 đến năm 1925, chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam .

- Triệu tập Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản từ 6– đến ngày 7–2 – 1930 để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3–2 – 1930) .

- Soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, vạch ra đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng .

1.2. Phân tích công hiến lớn nhất - Công hiến to lớn nhất trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đó là đến với chủ nghĩa Mác– Lênin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn– con đường cách mạng vô sản .

- Đến tháng 7–1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Đến đây Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam, đó là con đường cách mạng vô sản. Người quyết tâm đưa cách mạng Việt Nam đi theo con đường này .

Người khẳng định: “Muốn cứu nước, muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” .

- Từ việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn và xác định cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản để rồi Nguyễn Ái Quốc tiếp tục hoạt động truyền bá con đường này vào Việt Nam, trên cơ sở đó chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng, rồi tiến đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam để lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đúng quỹ đạo của cách mạng vô sản .

Như vậy, việc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn có tác dụng quyết định đối với thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Chính vì thế, đây là công hiến lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc Việt Nam trong quá trình hoạt động cứu nước của mình Câu 2 .

2.1. Phân tích nguyên nhân quyết định nhất: - Khi xác định nguyên nhân quyết định nhất, trước hết phải thấy rằng, nguyên nhân chủ quan đóng vai trò quyết định, nguyên nhân khách quan chỉ có tác dụng đưa Cách mạng tháng Tám nhanh chóng giành được thắng lợi và ít đổ máu. Trong các nguyên nhân chủ quan đó thì nguyên nhân về vai trò lãnh đạo của Đảng và của Hồ Chí Minh là nguyên nhân quyết định nhất .

- Đảng và của Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo phù hợp với điều kiện lịch sử Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Với đường lối cách mạng đó, Đảng ta và của Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh trong 15 năm, qua các lần diễn tập (1930– 1931), (1936– 1939), (1939– 1945). Đặc biệt, khi Nhật đảo chính Pháp (9– 3– 1945), Đảng ta và của Hồ Chí Minh phát động cao trào kháng Nhật cứu nước, làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Và khi thời cơ xuất hiện, Đảng ta và của Hồ Chí Minh đã nhanh chóng thời cơ phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc, đưa Cách mạng tháng Tám đến thắng lợi cuối cùng .

2.2. Vì sao cách mạng tháng Tám thắng lợi có tác dụng đến cách mạng thế giới - Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, “có ảnh hưởng trực tiếp và to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào” .

Câu 3 .

3.1. Vì sao: - Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng ở miền Nam, Tây Nguyên được xem là “nóc nhà” của miền Nam. Ai chiếm được Tây Nguyên sẽ làm chủ miền Nam. Với vị trí chiến lược quan trọng như vậy nên cả ta và địch đều muốn chiếm giữ .

- Mặc dầu Tây Nguyên là một vị trí chiến lược quan trọng, nhưng do địch chủ quan cho rằng, ta không thể đánh Tây Nguyên nên chúng tập trung lực lượng ở đây mỏng và bố phòng có nhiều sơ hở .

3.2. Cách đánh trong chiến dịch Tây Nguyên: Cách đánh của ta trong chiến dịch Tây Nguyên là đánh nghi binh: Đầu tiên ta nổ súng ở Plâycu để cuốn lực lượng từ Nam Tây Nguyên lên Bắc Tây Nguyên. Sau đó, ngày 10-3- 1975, ta đánh thọc sâu vào Buôn Ma Thuột và chỉ trong một ngày ta giải phóng Buôn Ma Thuột .

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đã chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm suy yếu chúng, cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng, “có ảnh hưởng trực tiếp và to lớn đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào” .

Câu 4 .

4.1. Về cơ hội - Từ sau “chiến tranh lạnh”, hòa bình thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi .

Xu thế chung của thế giới là hòa bình ổn định và hợp tác .

- Các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế và lấy kinh tế là trọng điểm, cùng sự tăng cường hợp tác và tham gia các liên minh kinh tế khu vực và quốc tế .

- Các quốc gia đang phát triển có thể khai thác các nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý bên ngoài, nhất là các tiến bộ khoa học— kỹ thuật để có thể “đi tắt đón đầu” rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước .

4.2. Về thách thức - Các nước đang phát triển cần nhận thức đầy đủ sự cần thiết tất yếu và tìm kiếm con đường, cách thức hợp lý nhất trong quá trình hội nhập quốc tế— phát huy thế mạnh; hạn chế tới mức thấp nhất những rủi ro, bất lợi và cả sai lầm; có những bước đi thích hợp, kịp thời .

- Phần lớn các nước phát triển đều từ xuất phát thấp về kinh tế, trình độ dân trí thấp, nguồn nhân lực đào tạo có chất lượng còn nhiều hạn chế .
- Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế còn nhiều bất bình đẳng, gây nhiều thiệt hại đối với các nước đang phát triển .
- Vấn đề sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay nợ vẫn còn bất hợp lí .
- Vấn đề giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại cần được lưu ý .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 9

Câu 1. Khi về đến Quảng Châu- Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức nào để truyền bá chủ nghĩa Mác– Lênin về Việt Nam? Ý nghĩa của sự ra đời và vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với tổ chức đó .

Câu 2. Vì sao Nhật bắt ngờ làm cuộc đảo chính Pháp ngày 9– 3– 1945? Chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương trước tình thế đó .

Câu 3. Hãy nêu những nét chính về cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ sau 2– 9– 1945 đến trước ngày 6– 3– 1946 Câu 4. Những điểm khác nhau cơ bản của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi với khu vực Mĩ La- tinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Vì sao có sự khác nhau đó? HƯỚNG DẪN LÀM BÀI Câu 1 .

1.1.Khi về đến Quảng Châu- Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc liên hệ với những thanh niên yêu nước trong tổ chức Tâm tâm xã rồi đi đến thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6- 1925) để thông qua tổ chức đó, truyền bá chủ nghĩa Mác– Lênin về Việt Nam .

1.2.Ý nghĩa của việc thành lập Hội - Thông qua hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chủ nghĩa Mác– Lênin lần lượt được truyền bá vào trong nước, có tác dụng thúc đẩy phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ .

- Việc thành lập Hội là sự chuẩn bị về tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam .

1.3.Vai trò của Nguyễn Ái Quốc - Sáng lập và lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên .

- Vạch ra mục đích và chương trình hoạt động của Hội .
- Mở các lớp huấn luyện để trang bị chủ nghĩa Mác– Lênin cho những thành viên của Hội .
- Xuất bản báo Thanh niên và tác phẩm Đường cách mệnh làm cơ sở lí luận truyền bá chủ nghĩa Mác– Lênin về nước .

Câu 2 .

2.1. Vì sao Nhật bắt ngờ làm cuộc đảo chính Pháp ngày 9-3-1945 - Chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc, Đức liên tiếp thất bại, Nhật khốn đốn .

- Thủ đô Pa-ri được giải phóng, Chính phủ Đờ Gôn về Pa-ri. Thực dân Pháp ở Đông Dương ráo riết hoạt động chờ quân Đồng minh .

- Tình thế trên buộc Nhật đảo chính Pháp để độc chiếm Đông Dương, không cho Pháp ngóc đầu dậy .

2.2. Chủ trương của Đảng - Đang lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Đình Bảng (Tứ Sơn- Bắc Ninh), ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật- Pháp bắn nhau và chúng ta hành động”. Bản chỉ thị nhận định: cuộc đảo chính đã tạo nên sự khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa chín muồi. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp- Nhật” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” .

- Hình thức đấu tranh từ bất hợp tác, bãi công, bãi thị đến biểu tình, thị uy, vũ trang, du kích và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện .

- Hội nghị chủ trương phát động “Cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa” .

2.3. Thực hiện chủ trương - Vùng thượng du và trung du Bắc Kỳ: Chiến tranh du kích được đẩy mạnh. Việt Nam giải phóng quân ra đời. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc cho cả nước .

- Vùng đô thị: Mít tinh, biểu tình, diễn thuyết, các đội danh dự Việt Minh trừ khử Việt gian nguy hiểm .

- Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ: Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói .

- Các nhà lao: Chiến sĩ cộng sản vượt ngục... Tù chính trị Ba Tơ nổi dậy đánh chiếm đồn giặc, lập chính quyền cách mạng và đội du kích Ba Tơ .

- Cao trào kháng Nhật, cứu nước biến thành cao trào tiền khởi nghĩa, đã tạo một khí thế sẵn sàng Tổng khởi nghĩa trong cả nước .

Câu 3 .

3.1. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ - Đêm 22 rạng sáng 23-9-1945, Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai .

- Nhân dân Sài Gòn- Chợ Lớn tiến hành tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa, tập kích quân Pháp... - Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến .

3.2. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng - Sách lược đấu tranh của ta đối với quân Tưởng và bọn tay sai: Hòa hoãn, tránh xung đột, giao thiệp thân thiện và lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị với quân Tưởng một cách khôn

khéo, đồng thời kiên quyết trừng trị bọn tay sai. Bằng cách cho bọn tay sai của Tưởng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế Bộ trưởng trong chính phủ Liên hiệp .

- Cho Tưởng một số quyền lợi trước mắt về kinh tế .
- Kiên quyết chân áp bọn phản cách mạng .

Câu 4 .

4.1. Nét khác nhau: - Châu Á, châu Phi đấu tranh chống lại bọn đế quốc thực dân và bọn tay sai để giải phóng dân tộc, giành lại độc lập và chủ quyền .

- Khu vực Mĩ La- tinh đấu tranh chống lại các thế lực thân Mĩ để thành lập các chính phủ dân tộc, dân chủ qua đó giành lại độc lập và chủ quyền dân tộc .

4.2. Vì sao: - Châu Á, châu Phi là thuộc địa, nửa thuộc địa hoặc phụ thuộc vào chủ nghĩa tư bản, độc lập và chủ quyền đã bị mất, nên nhiệm vụ đấu tranh là giành lại độc lập và chủ quyền đã bị mất .

- Khu vực Mĩ La- tinh vốn là những nước công hòa độc lập, nhưng thực tế là thuộc địa kiểu mới của Mĩ, nên nhiệm vụ đấu tranh là chống lại các thế lực thân Mĩ để thành lập các Chính phủ dân tộc dân chủ, qua đó giành lại độc lập và chủ quyền dân tộc .

PHẦN 3: GỢI Ý CÁC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI VÀ TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 CHUYÊN LỊCH SỬ ĐỀ SỐ 10

Câu 1. Nêu tóm tắt những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ tháng 9 năm 1941 . Tác động của những sự kiện đó đến cách mạng Việt Nam thời kì này .

Câu 2. Phân tích nào trong cách mạng Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 đưa cách mạng Việt Nam tiến lên một bước nhảy vọt? Nêu diễn biến và ý nghĩa của sự kiện đó .

Câu 3. Trình bày những thắng lợi trên mặt trận ngoại giao của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1954 –1975) .

Câu 4. Tóm tắt cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Lào (1945 –1954). Nêu mối quan hệ của cách mạng Việt– Lào trong thời kì này **HƯỚNG DẪN LÀM BÀI** Câu 1 .

1.1.Nêu tóm tắt: - Ngày 1– 9– 1939, Đức xâm chiếm Ba Lan; Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Tháng 6– 1940, Đức đánh chiếm Pháp, chính Phủ Pháp đầu hàng Đức. Cuối năm 1940 đầu năm 1941, Đức mở rộng chiếm đóng các nước Đông Âu và Nam Âu cùng bán đảo Ban Căng. Tháng 6– 1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô .

- Ở Viễn Đông, quân phiệt Nhật mở rộng xâm lược Trung Quốc. Mùa thu 1940, phát- xít Nhật vào Đông Dương, từng bước biến Đông Dương thành căn cứ chiến tranh và thuộc địa của chúng .

1.2. Tác động đến Việt Nam - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thi hành chính sách thời chiến, thẳng tay đàn áp Đảng Cộng sản Đông Dương và phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy”, vơ vét của cải, huy động sức người phục vụ cho chiến tranh đế quốc .

- Khi Nhật nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp đã nhanh chóng cầu kết với Nhật áp bức nhân dân các nước Đông Dương. Mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với đế quốc phát- xít Pháp- Nhật là mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt nhất. Giải phóng các dân tộc Đông Dương khỏi ách thống trị của Pháp- Nhật trở thành nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách nhất .

Câu 2 .

2.1. Đó là phong trào “Đồng khởi” (1959 –1960) ở miền Nam .

2.2. Diễn biến - Cuộc nổi dậy ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Bình Thuận) tháng 2– 1959. Ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) tháng 8– 1959, rồi lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng, tiêu biểu với cuộc “Đồng khởi” ở Bến Tre .

- Tại Bến Tre, ngày 17– 1– 1960, cuộc “Đồng khởi” nổ ra ở ba xã điểm là Định Thủy, Bình Khánh và Phước Hiệp thuộc huyện Mỏ Cày rồi nhanh chóng lan ra các huyện lân cận .

- Hòa nhập với cuộc “Đồng khởi” ở Bến Tre, nhân dân các tỉnh Tây Ninh, Mỹ Tho, Tân An, Trà Vinh, Bạc Liêu, Rạch Giá, Cà Mau, Châu Đốc, Long Xuyên, Sóc Trăng, Cần Thơ, Kiến Phong, Kiến Tường... đồng loạt nổi dậy, làm chủ 2/3 xã ấp. Từ năm 1960 trở đi, phong trào “Đồng khởi” lan ra khắp các tỉnh từ Cà Mau các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên .

2.3. Ý nghĩa - Phong trào “Đồng khởi” thắng lợi đánh dấu bước ngoặt của các mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công .

- Chấm dứt thời kì ổn định tạm thời chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn .

Câu 3 .

3.1. Trước những khó khăn của Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, nhất là âm mưu thôn tính của thực dân Pháp; để đẩy nhanh quân đội Tưởng về nước, ngăn chặn một cuộc chiến tranh quá sớm và tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng cho một cuộc kháng chiến lâu dài, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định sơ bộ (6– 3– 1946). Theo đó, Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam

là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng, nằm trong khối Liên hiệp Pháp .

3.2. Việc kí Hiệp định sơ bộ ta đã loại trừ bớt kẻ thù, tập trung lực lượng vào kẻ thù chính là thực dân Pháp. Ta có thêm thời gian củng cố lực lượng .

3.3. Sau khi kí Hiệp định sơ bộ ta tranh thủ củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt: thành lập Liên Việt, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam... xây dựng và củng cố các lực lượng vũ trang. Nhưng Pháp vẫn gây xung đột ở Nam Bộ, lập chính phủ Nam Kỳ tự trị, tăng cường khiêu khích, làm thất bại cuộc đàm phán ở Phòng- ten- nơ- blô (Pháp) .

3.4. Ngày (14- 9- 1946): Hồ Chí Minh kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước tiếp tục nhượng bộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa ở Việt Nam để có thời gian xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà ta biết chắc chắn nhất định sẽ nổ ra .

3.5. Sau khi kí Hiệp định sơ bộ (6- 3) và Tạm ước (14- 9- 1946), thực dân Pháp bội ước, nhân dân Việt Nam phải tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh, giành thắng lợi trong các chiến dịch Việt Bắc 1947, Biên giới 1950..., kết thúc bằng cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 -1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, đưa đến việc kí Hiệp định Giơ- ne- vơ 1954 về Đông Dương .

3.6. Với Hiệp định Giơ- ne- vơ (21- 7- 1954), thực dân Pháp buộc phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Việt Nam, Lào và Cam- pu- chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ .

Câu 4 .

4.1. Tóm tắt - Ngày 12- 10- 1945, nước Lào tuyên bố độc lập. Tháng 3- 1946, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Lào .

Nhân dân Lào một lần nữa phải cầm súng kháng chiến bảo vệ nền độc lập của mình .

- Từ năm 1947, cuộc kháng chiến chống Pháp ở Lào ngày càng phát triển, lực lượng cách mạng ngày càng trưởng thành .

- Trong những năm 1953 -1954, quân dân Lào đã phối hợp cùng với quân tình nguyện Việt Nam mở các chiến dịch Trung Lào, Hạ Lào, Thượng Lào..., giành thắng lợi to lớn. Những cuộc tấn công này đã phối hợp chặt chẽ với chiến trường Việt Nam, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ, góp phần vào chiến thắng chung của nhân dân ba nước Đông Dương. Hiệp định Giơ- ne- vơ về Đông Dương (tháng 7- 1954) đã thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Lào, công nhận địa vị hợp pháp của các lực lượng kháng chiến Lào .

4.2. Mối quan hệ - Tháng 4– 1953, bộ đội Việt Nam phối hợp với bộ đội Pathét Lào mở chiến dịch Thượng Lào, giải phóng Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa Lỳ. Căn cứ kháng chiến Lào được mở rộng và nối liền với Tây Bắc Việt Nam .

- Tháng 12– 1953, phối hợp với bộ đội Pathét Lào, bộ đội Việt Nam mở chiến dịch Trung Lào, giải phóng thị xã Thà Khẹt và toàn bộ tỉnh Khăm Muộn, uy hiếp Sê- rô .

- Đầu năm 1954, phối hợp với một số đơn vị bộ đội Pathét Lào, bộ đội Việt Nam mở chiến dịch Thượng Lào, mở rộng căn cứ kháng chiến cho nước bạn Lào .

- Những thắng lợi của quân dân Việt– Lào trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ- ne- vơ (21– 7– 1954), công nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương .